

THE PREVALENCE OF SMOKING AND ASSOCIATED FACTORS AMONG MALE STUDENTS AT PHENIKAA UNIVERSITY IN 2024

Nguyen Phuong Anh^{1*}, Pham Thi Thuy Dung¹, Vu Thi Trang²

¹Phenikaa University - Nguyen Trac Street, Yen Nghia Ward, Ha Dong Dist, Hanoi City, Vietnam

²K Hospital Tan Trieu facility - 30 Cau Buu, Tan Trieu Ward, Thanh Tri Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 24/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the smoking status among students at Phenikaa University in 2024 and the associated factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted on 1045 students at Phenikaa University, from September to December 2024. Data were collected via an online survey using a pre-designed Google Forms questionnaire.

Results: The prevalence of smoking among students was 6.7%. Smoking status was statistically significantly associated with geographical origin, academic discipline, year of study, family history of smoking, and peer smoking ($p < 0.05$).

Recommendations: It is recommended to enhance parental and peer awareness of the detrimental effects of smoking, thereby encouraging their active participation in the prevention and reduction of smoking among students.

Keywords: Smoking, students, related factors, Phenikaa University.

*Corresponding author

Email: anh.nguyenphuong@phenikaa-uni.edu.vn **Phone:** (+84) 348778821 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2650**



THỰC TRẠNG HÚT THUỐC LÁ Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA NĂM 2024 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Phương Anh^{1*}, Phạm Thị Thùy Dung¹, Vũ Thị Trang²

¹Trường Đại học Phenikaa - Phố Nguyễn Trác, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Bệnh viện K cơ sở Tân Triều - 30 Cầu Bươu, P. Tân Triều, Q. Thanh Trì, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Received: 24/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng hút thuốc lá ở sinh viên trường Đại học Phenikaa năm 2024 và phân tích một số yếu tố liên quan.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 1045 sinh viên trường Đại học Phenikaa, từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024. Thông tin được thu thập qua hình thức phát vấn trực tuyến (online Survey), sử dụng đường link google biểu mẫu phiếu điều tra được thiết kế sẵn

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá là 6,7%. Thực trạng hút thuốc lá của sinh viên có liên quan có ý nghĩa thống kê với quê quán, ngành học, năm học, tiền sử hút thuốc lá của người thân trong gia đình, bạn bè hút thuốc lá ($p < 0,05$).

Khuyến nghị: Tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh và bạn bè sinh viên về tác hại của thuốc lá, để họ cùng tham gia vào việc ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng hút thuốc lá trong sinh viên.

Từ khóa: Hút thuốc lá, sinh viên, yếu tố liên quan, Trường Đại học Phenikaa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hút thuốc lá đang là một vấn đề báo động toàn cầu. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới, các bệnh do thuốc lá gây ra cái chết cho hơn 8 triệu người mỗi năm, trong đó ước tính có khoảng 1,3 triệu người không hút thuốc lá bị ảnh hưởng bởi khói thuốc lá. Khoảng 80% trong số 1,3 tỷ người sử dụng thuốc lá trên thế giới sống ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Năm 2020, 22,3% dân số thế giới sử dụng thuốc lá: 36,7% nam giới và 7,8% nữ giới [1].

Tại Việt Nam, hàng năm có hơn 40.000 người chết do các bệnh có liên quan đến thuốc lá [2]. Đồng thời, Việt Nam đối mặt với sự gia tăng người sử dụng thuốc lá mới, chủ yếu là thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, đặc biệt là trong giới trẻ. Theo điều tra tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành tại 34 tỉnh, thành phố năm 2020, tỷ lệ hút thuốc lá điện tử ở người trưởng thành (15 tuổi trở lên) là 3,6%, cao nhất ở nhóm vị thành niên và thanh niên (15 đến 24 tuổi) là 7,3%; tiếp đến là nhóm tuổi 25-44 (3,2%) và 45-64 tuổi (1,4%) [3].

Sinh viên Đại học là thế hệ tương lai của đất nước, tuy nhiên nhiều nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đã chứng minh có một tỷ lệ không nhỏ sinh viên trong các trường Đại học hút thuốc lá. Cụ thể, nghiên cứu ở Jordan của Al-Sawalha NA và cộng sự diễn ra từ 10/2019 - 5/2020, 40% số sinh viên tham gia hiện đang hút thuốc lá [4]; của Phạm Thu Nga và cộng sự (2020), 19,0% đối tượng đang hút thuốc, 32,7% đối tượng đã từng hút thuốc [5].

Tại Trường Đại học Phenikaa là trường Đại học ngoài công lập, với quy mô gần 25000 sinh viên, đã triển khai cấm hút thuốc lá trong khuôn viên Trường từ nhiều năm nay. Tuy nhiên theo báo cáo của phòng công tác sinh viên, vẫn có sinh viên hút thuốc lá, hút trong khu vực các lớp học và cả nơi công cộng. Số lượng sinh viên hút thuốc lá đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt là ở nam sinh viên. Hiện nay, Trường chưa có nghiên cứu tổng thể nào về thực trạng hút thuốc lá của sinh viên. Do vậy, nghiên cứu “Thực trạng hút thuốc lá ở sinh viên Trường Đại học

*Tác giả liên hệ

Email: tanh.nguyenphuong@phenikaa-uni.edu.vn Điện thoại: (+84) 348778821 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2650>

Phenikaa năm 2024 và một số yếu tố liên quan” được triển khai nhằm 2 mục tiêu:

1. *Mô tả thực trạng hút thuốc lá ở sinh viên trường Đại học Phenikaa năm 2024;*
2. *Phân tích một số yếu tố liên quan đến thực trạng hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên chính quy đang học tại Trường Đại học Phenikaa, năm học 2024-2025

- *Tiêu chuẩn lựa chọn:* Sinh viên thuộc 4 khối ngành: khoa học sức khỏe, kinh tế, ngôn ngữ, kỹ thuật đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn loại trừ:* Sinh viên không thuộc 4 khối ngành trên. Sinh viên nghỉ học, bảo lưu, thôi học tại thời điểm nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12/2024, tại trường Đại học Phenikaa, đường Nguyễn Trác, Phường Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng 1 tỷ lệ cho một nghiên cứu mô tả, sử dụng sai số tuyệt đối:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- + n là cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu;
- + $Z_{1-\alpha/2}$: Hệ số tin cậy, ứng với độ tin cậy 95% ($\alpha = 0,05$) thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$;
- + p: ước đoán tỷ lệ hút thuốc lá của sinh viên.
- + Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Quyên và cộng sự (2023), tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá là 19,1% [6], lấy p = 0,191; d: sai số tuyệt đối cho phép, lấy d = 0,03.

Thay giá trị các tham số vào công thức trên ta có cỡ mẫu là n = 660. Tăng 10% cỡ mẫu để dự trù cho những số liệu bị bỏ sót và những trường hợp từ chối tham gia nghiên cứu. Tổng cỡ mẫu cho nghiên cứu là n = 726. Trên thực tế, nghiên cứu nhận được sự đồng ý tham gia của 1045 sinh viên.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn khối ngành: lập danh sách tất cả các khối ngành của trường Đại học Phenikaa, chọn ngẫu nhiên 4 khối ngành.

- Chọn sinh viên: Chọn thuận tiện. Tại mỗi khối ngành chọn thuận tiện các sinh viên thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn, đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

Biến độc lập: thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, ngành học, học lực, tiền sử hút thuốc của người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô, kiến thức về phòng chống tác hại của thuốc lá.

Biến phụ thuộc: tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá, các loại thuốc/chế phẩm thuốc lá mà sinh viên sử dụng

2.6. Phương pháp thu thập thông tin

Số liệu nghiên cứu sẽ được thu thập thông qua hình thức phát vấn trực tuyến (online Survey). Đường link phiếu điều tra sẽ được các cán bộ quản lý lớp gửi trực tiếp qua Zalo cho toàn bộ sinh viên của 4 khối ngành thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn. Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu và trả lời câu hỏi trong phiếu điều tra.

Bộ câu hỏi được thử nghiệm trên 30 sinh viên để hiệu chỉnh một số sai sót và hoàn thiện trước khi tiến hành thu thập thông tin chính thức.

2.7. Tiêu chuẩn đánh giá

Sinh viên được xem là có hút thuốc lá khi có hút ít nhất một trong các loại hút thuốc lá sau: thuốc lá điếu hoặc tự cuốn điếu, thuốc lá điện tử, thuốc lá nhai, Shisha, hookah, Xì gà, thuốc lá hít, thuốc lá tẩu.

2.8. Phân tích và xử lý số liệu

Toàn bộ số liệu được xử lý bằng SPSS 27.0. Thống kê mô tả: biến định tính (số lượng, tỷ lệ, biểu đồ), biến định lượng (giá trị trung bình, độ lệch chuẩn). Phân tích đơn biến thông qua OR, CI 95%, χ^2 /Fisher Exact, giá trị p.

2.9. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đảm bảo mọi nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Đối tượng nghiên cứu có quyền dừng nghiên cứu bất cứ lúc nào. Các thông tin cá nhân sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

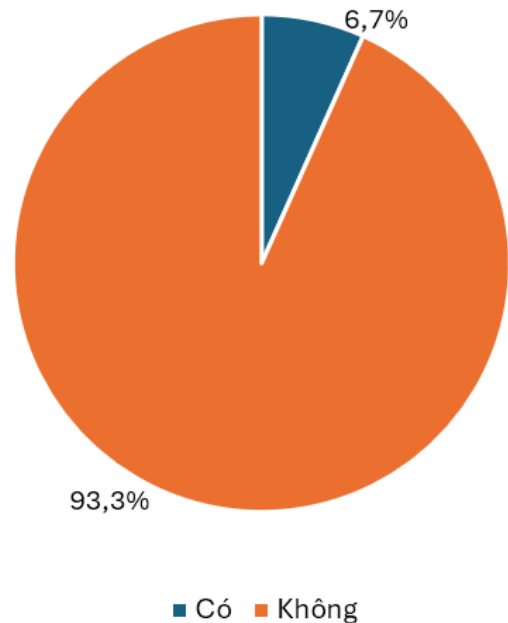
Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n=1045)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	471	45,1
	Nữ	574	54,9
	Thành thị	337	32,2
	Nông thôn	650	62,2
	Miền núi	58	5,6
Ngành học	Khối khoa học sức khỏe	71	6,8
	Kỹ thuật	535	51,2
	Kinh tế	294	28,1
	Ngôn ngữ	145	13,9
Năm học	Năm 1	457	43,7
	Năm 2	167	16,0
	Năm 3	254	24,3
	Năm 4	149	14,3
	Năm 5	18	1,7
Tiền sử hút thuốc của người thân trong gia đình	Có	521	49,9
	Không	524	50,1
Bạn bè hút thuốc lá	Có	733	70,1
	Không	312	29,9

Bảng 1 cho thấy, nữ giới tham gia nghiên cứu chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới (54,9% so với 45,1%). Sinh viên có xuất thân từ nông thôn chiếm tỷ lệ cao nhất (62,2%), thấp nhất là Miền núi (5,6%). Sinh viên khối ngành kỹ thuật tham gia với tỷ lệ cao nhất (51,2%), thấp nhất là sinh viên khối ngành sức khỏe (6,8%). Sinh viên năm nhất chiếm tỷ lệ cao nhất (43,7%), tiếp theo là sinh viên năm 3 (24,3%), năm 2 (16,0%); năm 4 (14,3%) và thấp nhất là năm 5 (1,7%).

Liên quan đến hành vi hút thuốc lá: có 49,9% sinh viên cho biết trong gia đình có người thân hút thuốc lá. Có tới 70,1% sinh viên cho biết bạn bè hút thuốc lá.

3.2. Thực trạng hút thuốc lá của sinh viên trường Đại học Phenikaa năm 2024



Biểu đồ 1. Thực trạng hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu (n=1045)

Biểu đồ 1 cho thấy, trong tổng số 1045 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 70 sinh viên hút thuốc lá, chiếm (6,7%).

Bảng 2. Các loại chế phẩm thuốc lá mà đối tượng nghiên cứu từng sử dụng (n=1045)

Loại thuốc	Số lượng	Tỷ lệ
Thuốc lá điều hoặc tự cuốn điều	65	6,2
Thuốc lá điện tử	56	5,3
Thuốc lá nhai	6	0,6
Shisha, hookah	18	1,7
Xì gà	18	1,7
Thuốc lá hít	23	2,2
Thuốc lá tẩu	18	1,7

Bảng 3.2 cho thấy, thuốc lá điều hoặc tự cuốn điều có tỷ lệ sử dụng cao nhất (6,2%), tiếp theo là thuốc lá điện tử (5,3%). Các loại thuốc lá khác như thuốc lá nhai, shisha/hookah, xì gà, thuốc lá hít và thuốc lá tẩu có tỷ lệ sử dụng thấp hơn, dao động từ 0,6% đến 2,2%.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến thực trạng hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3. Mối liên quan giữa hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu và một số yếu tố (n=1045)

Đặc điểm	Hút thuốc lá		OR 95%CI	p
	Có (SL, %)	Không (SL, %)		
Quê quán				
Thành thị	21 (6,2)	316 (93,8)	1	-
Nông thôn	40 (6,2)	610 (93,8)	0,98 (0,57-1,70)	0,96
Miền núi	9 (15,5)	49 (84,5)	2,76 (1,19-6,38)	0,01
Ngành học				
Khối ngành khoa học sức khỏe	5 (7,0)	66 (93,0)	1,54 (0,57-4,17)	0,38
Khối ngành kỹ thuật	25 (4,7)	510 (95,3)	1	-
Khối ngành Kinh tế	26 (8,8)	268 (91,2)	1,97 (1,12-3,49)	0,016
Khối ngành Ngôn ngữ	14 (9,7)	131 (90,3)	2,18 (1,1-4,31)	0,02
Năm học				
Năm 1	28 (6,1)	429 (93,9)	1,29 (0,57-2,90)	0,52
Năm 2	8 (4,8)	159 (95,2)	1	-
Năm 3	15 (5,9)	239 (94,1)	1,24 (0,51-3,0)	0,62
Năm 4	18 (12,1)	131 (87,9)	2,73 (1,15-6,48)	0,018
Năm 5	1 (5,6)	17 (94,4)	1,16 (0,13-9,91)	0,88
Tiền sử hút thuốc của người thân trong gia đình				
Có	48 (9,2)	473 (90,8)	2,31 (1,37-3,89)	0,001
Không	22 (4,2)	502 (95,8)		
Bạn bè hút thuốc lá				
Có	66 (9,0)	667 (91,0)	7,61 (2,75-21,09)	< 0,001
Không	4 (1,3)	308 (98,7)		

Bảng 3 cho thấy, sinh viên đến từ miền núi khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,76 lần so với sinh viên thành phố (OR=2,76; 95%CI: 1,19-6,38; p<0,05). Sinh viên khối ngành kinh tế khả năng có hút thuốc lá cao gấp 1,97 lần so với sinh viên khối ngành kỹ thuật (OR=1,97; 95%CI: 1,12-3,49; p<0,05). Sinh viên khối ngành ngôn ngữ khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,18 lần so với sinh viên khối ngành kỹ thuật (OR=2,18; 95%CI: 1,1-4,31; p<0,05). Sinh viên năm 4 khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,73 lần so với sinh viên năm 2 (OR=2,73; 95%CI: 1,15-6,48; p<0,05).

Liên quan đến hành vi hút thuốc lá của người thân, bạn bè: sinh viên có người thân trong gia đình hút thuốc lá thì khả năng có hút thuốc cao gấp 2,31 lần so với sinh viên không có người thân hút thuốc (OR=2,31; 95%CI: 1,37-3,89; p<0,05). Sinh viên có bạn bè hút thuốc thì khả năng có hút thuốc cao gấp 7,61 lần so với sinh viên có bạn không hút thuốc (p<0,001).

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng hút thuốc lá của sinh viên trường Đại học Phenikaa năm 2024

Trong tổng số 1045 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 70 sinh viên hút thuốc lá, chiếm (6,7%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Quyên và cộng sự (2023), tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá là 19,1% [6]; của Nguyễn Minh Trung và cộng sự (2024), tỷ lệ sinh viên hút thuốc là 7,7%, trong đó, tỷ lệ sinh viên nam hút thuốc là 12,2% và nữ là (4,5%) [7]; của Ivana Todorović và cộng sự (2022), trong tổng số 1200 sinh viên của Đại học Banja Luka tham gia nghiên cứu, tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá là 34,1% [8]. Tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với các nghiên cứu khác, điều này có thể là minh chứng cho hiệu quả của những nỗ lực từ Ban Giám hiệu trường Đại học Phenikaa trong việc thực thi chính sách cấm hút thuốc lá trong khuôn viên trường, thông qua việc ban hành và áp dụng nghiêm ngặt các quy định liên quan. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về tỷ lệ này còn do sự khác nhau về đối tượng nghiên cứu, cách chọn mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu, các đặc điểm về lối sống và đặc điểm văn hóa của từng khu vực.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến thực trạng hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đến từ miền núi khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,76 lần so với sinh viên thành phố p<0,05). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Quyên và cộng sự (2023), sinh viên dân tộc thiểu số có khả năng hút thuốc lá cao gấp 1,6 lần sinh viên dân tộc Kinh (p<0,05) [6]. Có thể lý giải do sinh viên đến từ miền núi ít có điều kiện tiếp xúc với các thông tin về tác hại của thuốc lá. Do vậy, sinh viên chưa nhận thức được những tác hại của thuốc lá cho sức khỏe nên có thể tỷ lệ hút thuốc lá ở nhóm đối tượng này cao hơn.

Phát hiện đáng chú ý là: Sinh viên khối ngành kinh tế khả năng có hút lá cao gấp 1,97 lần so với sinh viên khối ngành kỹ thuật ($p<0,05$). Sinh viên khối ngành ngôn ngữ khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,18 lần so với sinh viên khối ngành kỹ thuật ($p<0,05$). Kết quả này có thể trái ngược với quan niệm thông thường trong xã hội, vốn cho rằng sinh viên khối kỹ thuật thường có tỷ lệ hút thuốc lá cao hơn. Do vậy, điều này cần được quan tâm tìm hiểu trong nghiên cứu tiếp theo.

Sinh viên năm 4 khả năng có hút thuốc lá cao gấp 2,73 lần so với sinh viên năm 2 ($p<0,05$). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Mohammed Alkhalaf và cộng sự (2021), tỷ lệ sinh viên năm 3 hút thuốc lá cao hơn so với năm 2 (15,1% so với 8,6%) ($p<0,05$) [9]. Điều này khá dễ hiểu bởi, sinh viên năm 4 có thể có nhiều mối quan hệ bạn bè, xã giao hơn. Việc sử dụng thuốc lá có thể được xem như là một hình thức để giao tiếp, hòa nhập với bạn bè. Đồng thời, sinh viên năm 4 cũng có thể tìm tới thuốc lá như một cách để giải tỏa căng thẳng khi mà họ phải đối mặt với những áp lực về học hành, thi cử và mối lo về công việc trong tương lai.

Liên quan đến hành vi hút thuốc lá của người thân, bạn bè: sinh viên có người thân trong gia đình hút thuốc lá thì khả năng có hút thuốc cao gấp 2,31 lần so với sinh viên không có người thân hút thuốc ($p<0,05$). Sinh viên có bạn bè hút thuốc thì khả năng có hút thuốc cao gấp 7,61 lần so với sinh viên có bạn không hút thuốc ($p<0,001$). Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Minh Trung và cộng sự (2024) [7]. Có thể nhận thấy, giới trẻ có xu hướng bắt chước những hành vi của những người thân thiết xung quanh. Việc thấy người thân, bạn bè hút thuốc có thể khiến sinh viên tò mò và muốn thử, hoặc có thể muốn thử thuốc để hòa nhập hơn cùng nhóm bạn.

Nghiên cứu của chúng tôi có một số hạn chế. Trước hết, nghiên cứu cắt ngang sẽ giới hạn về khả năng kết luận mối quan hệ nhân quả giữa tình trạng hút thuốc lá của sinh viên với một số yếu tố liên quan được tìm thấy. Hạn chế thứ hai của nghiên cứu này dựa vào việc tự báo cáo về hành vi hút thuốc, điều này dễ bị sai lệch do sinh viên cố ý che giấu thông tin.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong tổng số 1045 sinh viên tham gia nghiên cứu, tỷ lệ sinh viên hút thuốc lá là 6,7%. Thực trạng hút thuốc lá của sinh viên có liên quan có ý nghĩa thống kê với quê quán, ngành học, năm học, tiền sử hút thuốc lá của người thân trong gia đình, bạn bè hút thuốc lá ($p<0,05$).

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh và bạn bè sinh viên về tác hại của thuốc lá, để họ cùng tham gia vào việc ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng hút thuốc lá trong sinh viên. Tổ chức các buổi tư vấn, nhóm hỗ trợ, đặc biệt chú trọng vào sinh viên năm 4, sinh viên có quê quán miền núi để giúp sinh viên từ bỏ thuốc lá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] WHO. Tobacco 2023 [Available from: <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/tobacco>].
- [2] Bộ Y tế. 90% người mắc ung thư phổi, 75% mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính do liên quan đến sử dụng thuốc lá 2024 [Available from: https://moh.gov.vn/tin-lien-quan/-/asset_publisher/vjYyM7O9aWnX/content/90-nguoi-mac-ung-thu-phoi-75-mac-benh-phoi-tac-nghen-man-tinh-do-su-dung-thuoc-la].
- [3] Bộ Y tế. Những thách thức trong quy định và thực thi chính sách về thuốc lá mới 2024 [Available from: https://moh.gov.vn/tin-lien-quan/-/asset_publisher/vjYyM7O9aWnX/content/nhung-thach-thuc-trong-quy-dinh-va-thuc-thi-chinh-sach-ve-thuoc-la-moi?inheritRedirect=false].
- [4] Al-Sawalha NA, Almomani BA, Al-Shatnawi SF, Almomani BN. Attitudes and Knowledge of the Harmful Effects of Waterpipe Tobacco Smoking among university students: A study from Jordan. *Environmental Science and Pollution Research*. 2021;28:43725-31.
- [5] Phan Thu Nga, Nguyễn Thị Ái, Bùi Thị Diệu Huyền và cs. Thực trạng về kiến thức về phòng, chống tác hại thuốc lá của nam học viên liên thông y đa khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2020. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2021;tập 62, số 3 năm 2021.
- [6] Nguyễn Thị Quyên, Ma Thu Hòa, Hoàng Minh Nam và cs. Thực trạng hút thuốc lá của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan năm 2023. *Tạp chí Y học Dự phòng*. 2024;34(1):142-50.
- [7] Nguyễn Minh Trung, Lê Minh Hữu, Trần Nguyễn Du. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến việc hút thuốc lá, thuốc lá điện tử của sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024(81):193-9.
- [8] Todorović I, Cheng F, Stojisavljević S, Marinković S, Kremenović S, Savić P, et al. Prevalence of cigarette smoking and influence of associated factors among students of the University of Banja Luka: a cross-sectional study. *Medicina*. 2022;58(4):502.
- [9] Alkhalaf M, Suwyadi A, AlShamakhi E, Oribi H, Theyab Z, Sumayli I, et al. Determinants and prevalence of tobacco smoking among medical students at Jazan University, Saudi Arabia. *Journal of smoking cessation*. 2021;2021:e20.